TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72 / 2023/ DS - ST
Ngày: 28 - 7 - 2023
"V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phương Thanh

2. Ông Huỳnh Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên toà:
Không tham gia

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/ TLST – DS, ngày 20 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S
Địa chỉ: số 266-268 N, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Hồng S, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Vĩnh Long -Ngân hàng thương mại cổ phần S (Theo văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2012 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S)

Người đại diện hợp pháp của ông Cao Hồng S là chị Lê Phan Quỳnh N– nhân viên hỗ trợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền số 33/2023/UQ-CNVL ngày 20/02/2023 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S – Chi nhánh Vĩnh Long) (có đơn xin vắng mắt)

- Bị đơn: Chị Trần Ngọc H, sinh năm 1999 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 2A/1 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vinh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2023 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Lê Phan Quỳnh N trình bày:

Ngày 03/9/2020 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là S) có ký Hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 1563593 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng): số thẻ 472074-2138 với Chị Trần Ngọc H để cho vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,6%/tháng (lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ của ngân hàng), lãi suất quá hạn bằng 3,9%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng chị H có thực hiện giao dịch nhiều lần (rút tiền). Sau đó chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, phía S đã nhắc nhở nhiều lần nhưng chị H không có thiện chí trả nợ. Do chị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 22/01/2023 S đã tạm khóa quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 22/02/2023 chị H còn phải thanh toán cho S 34.953.503đ (Ba mươi bốn triệu chín trăm năm mươi ba ngàn năm trăm lẻ ba đồng).

Nay nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị H có nghĩa vụ thanh toán cho S tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/7/2023 với số tiền là: 42.184.571đ (trong đó: tiền gốc 33.516.560đ, tiền lãi quá hạn: 8.668.011đ) và yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo đến khi chị H trả hết nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng hai bên đã ký

Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Ngoài ra, còn có các tài liệu, chứng cứ cần thiết khác đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án. Đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo trình tự thủ tục tố tụng nhưng chị H vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị H không giao nộp tài liệu chứng cứ và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ bị đơn không tham gia và không tiến hành hòa giải được với nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị H vắng mặt đến lần hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S) khởi kiện yêu cầu chị H trả 42.184.571đ tính đến ngày xét xử sơ thẩm, chị H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết, xét chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp Hợp đồng tín dụng (mục đích vay tiêu dùng cá nhân) được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; chị H trú tại số 2A/1 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của S

[2.1] Về tiền gốc: Căn cứ Hợp đồng cấp thẻ tín dụng: số thẻ 472074-2138 gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1563953 ngày 29/8/2020; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa S với chị H gắn liền địa chỉ số 2A/1 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, hợp đồng thể hiện thẻ phát hành số tiền 30.000.000 đồng là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho chị H biết yêu cầu khởi kiện của S và các thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị H vẫn vắng mặt, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng, chứng cứ nguyên đơn đưa ra để xác định yêu cầu là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, S yêu cầu chị H trả tiền gốc 33.516.560đ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Về tiền lãi: Căn cứ Hợp đồng hai bên có thỏa thuận lãi suất, xét thấy sự thỏa thuận mức lãi của các đương sự không phụ thuộc vào Bộ luật Dân sự mà được điều chỉnh theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), hai bên thỏa thuận lãi suất là tự nguyện nên căn cứ các điều 91, 95, 98 và Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về việc Hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc chị H phải trả tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (28/7/2023) theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, tiền lãi được chấp nhận là 8.668.011đ

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của S; Buộc chị H có nghĩa vụ trả cho S số tiền: 42.184.571đ (Bốn mươi hai triệu một trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm bảy mươi một đồng); trong đó: tiền gốc 33.516.560đ, tiền lãi quá hạn: 8.668.011đ

[3] Về án phí: S yêu cầu chị H trả số tiền: 42.184.571đ, được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu (05% của giá trị tranh chấp) là 2.109.000đ ; Hoàn trả cho S tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng các điều 91, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Thông tư số: 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Áp dụng các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Buộc chị Trần Ngọc H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/7/2023 với số tiền là: 42.184.571đ (Bốn mươi hai triệu một trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm bảy mươi một đồng); trong đó: tiền gốc 33.516.560đ, tiền lãi quá hạn: 8.668.011đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/7/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1563953 ngày 29/8/2020; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký giữa S với chị H

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc chị Trần Ngọc H nộp 2.109.000đ (Hai triệu một trăm lẻ chín ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 874.000đ (Tám trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số N^{0} 0004961 ngày 20/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS huyện Long Hồ;
- VKSND huyện Long Hồ ;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Diện